

**TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

---**---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST

Ngày: 09/12/2019

V/v tranh chấp: “Yêu cầu

thực hiện nghĩa vụ thanh toán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Liêm;

2. Ông Hồ Khắc Tuấn;

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2019 về “*Yêu cầu thực hiện hiện nghĩa vụ thanh toán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2019/QĐST- KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392A/2019/QĐST- KDTM ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Công ty TNHH TM & SX A

Người đại diện theo pháp luật : Ông C, sinh năm 1972- Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu dân cư L, xã N, Huyện M, tỉnh Bình Thuận.(Địa chỉ trụ sở cũ: Khu công nghiệp K, xã H, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông D, Sinh năm 1961; Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát nội bộ Công ty A.

****Bị đơn:*** Công ty cổ phần xây dựng công trình B;

Người đại diện theo pháp luật : Ông E;

Địa chỉ trụ sở : Khu tập thể S, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2018, và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty cổ phần xây dựng B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có mua thép xây dựng của Công ty TNHH TM & SX A (sau đây gọi tắt là Công ty A) theo hợp đồng mua bán số 01/2015 ngày 02/3/2015.

Quá trình thực hiện đồng đã ký kết Công ty A đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bên bán hàng theo đúng nội dung thỏa thuận tại hợp đồng, bàn giao đúng và đầy đủ số lượng hàng hóa cho bên mua là Công ty B.

Tuy nhiên Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán đã ký kết, không trả hết số tiền mua hàng cho Công ty A; Ngày 16/5/2016 Công ty A đã mời Công ty B đối chiếu và thanh toán tiền mua hàng, tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/5/2016 Công ty B đã ký xác nhận nội dung sau: Tính đến ngày 15/6/2016 Công ty B còn nợ Công ty A số tiền mua hàng là 200 triệu đồng chẵn, và cam kết thanh toán cho Công ty A chậm nhất là vào 20/5/2016.

Đến ngày 12/8/2016 Công ty B chỉ mới thanh toán cho Công ty A 50 triệu đồng thì không trả nợ nữa, do vậy ngày 31/3/2017 Công ty A tiếp tục thực hiện đối chiếu công nợ lần thứ 02 với Công ty B, tại biên bản đối chiếu công nợ ký kết giữa hai bên vào ngày 31/3/2017 Công ty B đã xác nhận còn nợ Công ty A số tiền mua thép xây dựng theo hợp đồng số 01 /2015 ngày 02/3/2015, là 150 triệu đồng. Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty B vẫn chưa thanh toán.

Do vậy nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả lại cho công ty A số tiền mua hàng chưa thanh toán là 150 triệu đồng.

Về số nợ lãi do chậm thanh toán Công ty A yêu cầu Công ty B thanh toán nợ lãi chậm thanh toán là 10%/năm, cụ thể như sau :

Lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại là lãi 15,2%/năm nhưng Công ty chỉ yêu cầu tính 10%/năm ;

(1) Tiền lãi chậm thanh toán kỳ 1 theo ***Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 16/5/2016*** sẽ tính từ ngày 21/5/2016 (sau ngày cam kết trả nợ theo biên bản) đến 12/8/2016(ngày Công ty B trả nợ 50 triệu đồng) = 02 tháng 21 ngày, Công ty A tính tròn 02 tháng là : $200.000.000đ \times 02 \text{ tháng} \times 0,83 \text{ \%/tháng} = 3.320.000đ$

(2) Tiền lãi chậm thanh toán kỳ 2 theo ***Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/3/2017*** sẽ tính từ ngày 13/8/2016 (kế tiếp ngày trả nợ 50 triệu đồng) đến ngày giải quyết xét xử vụ án là 09/12/2019, 39 tháng 25 ngày nhưng Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tròn 39 tháng là :

$$150.000.000đ \times 39 \text{ tháng} \times 0,83 \text{ \%/tháng} = 48.555.000đ$$

Tổng cộng nợ gốc và lãi là : 150 triệu đồng (gốc) + tiền lãi chậm trả (1)+ tiền lãi chậm trả (2) = 150 triệu đồng + 3.320.000đ + 48.555.000đ = 201.875.000đ

***Ý kiến của bị đơn:** Tòa án thành phố Phan Thiết đã ủy thác cho Tòa án huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương, nơi bị đơn đặt trụ sở Công ty B, thực hiện việc giao các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên Bị đơn là Công ty B không liên hệ Tòa án và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các thủ tục thu thập chứng cứ và tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng thành phần trong quyết định xét xử và đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không hợp tác không chấp hành và thực hiện đúng quyền lợi nghĩa vụ của mình, theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án;

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 16/5/2016 và ngày 31/3/2017; số chi tiết công nợ do Nguyên đơn cung cấp xét thấy đã đủ chứng cứ xác định Công ty B còn nợ Công ty A tiền mua thép xây dựng là 150 triệu đồng ; Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên, buộc : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải trả số tiền mua thép xây dựng chưa thanh toán là 150 triệu đồng; Đối với tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại điều 306 Luật thương mại là trên 10%/năm , tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là không trái pháp luật do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu trách nhiệm trả tiền án phí sơ thẩm dân sự theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện đều là các tổ chức có đăng ký kinh doanh, nội dung quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng kinh tế các đương sự đã ký kết số 01/2015/HDKT/QT - B ngày 02/3/2015, tại Văn phòng trụ sở Công ty A: Lô 03/2 Khu công nghiệp H- Xã K, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận;

Đồng thời theo điều 08 của Hợp đồng kinh tế này, các bên đã thỏa thuận khi có tranh chấp hợp đồng thì chọn Tòa án nơi ký kết hợp đồng có thẩm quyền giải quyết; Do vậy vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 01 điều 30, điểm b khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty B, đã được Tòa án huyện Y, tỉnh hải Dương (được Tòa án Phan Thiết ủy thác) thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án Phan Thiết theo quy định tại các Điều 177 và 179 Bộ luật tố tụng Dân sự, nhưng Bị đơn không hợp tác, không liên hệ Tòa án làm việc. Tại phiên tòa hôm nay Bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại khoản 01 và điểm b khoản 02 các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Về nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1] Nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B thanh toán khoản tiền còn nợ do mua thép xây dựng phục vụ thi công Gói thầu số A4, Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết số 01/2015/HDKT/QT -B ngày 02/3/2015, là 150 triệu đồng và tiền lãi do chậm thanh toán số tiền mua hàng còn nợ.

Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng Bị đơn không có ý kiến về nội dung khởi kiện của Nguyên đơn, cũng không liên hệ với Tòa án để xác định có hay không có yêu cầu phản tố đối với nội dung khởi kiện của Nguyên đơn. Do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ kiện.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế đã ký kết số 01/2015/HDKT/QT - B ngày 02/3/2015, và biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 16/5/2016, sổ chi tiết công nợ từ 19/03/2015 đến ngày 12/8/2016 thể hiện :

Từ ngày 19/03/2015 đến ngày 28/3/2015 Công ty B đã mua thép xây dựng của Công ty A với số tiền là 801.314.470 đ, tính đến ngày lập biên bản đối chiếu công nợ lần 01 ngày 16/5/2016 công ty B đã trả cho Công ty A tiền mua hàng là 601.314.470 đ còn nợ lại 200 triệu đồng;

Ngày 12/8/2016 Công ty B đã trả nợ cho Công ty A 50 triệu đồng và không trả nợ nữa.

Do vậy ngày 31/3/2017 tiếp tục lập Biên bản đối chiếu công nợ lần 02, tại biên bản này bị đơn đã xác nhận còn nợ Nguyên đơn số tiền 150 triệu đồng.

Như vậy Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định điều 50 Luật Thương mại và thỏa thuận thanh toán đã cam kết tại Hợp đồng kinh tế đã ký kết số 01/2015/HDKT/QT - B ngày 02/3/2015;

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp, xét thấy đã đủ chứng cứ xác định hiện nay Công ty B còn nợ Công ty A tiền mua thép xây dựng là 150 triệu đồng; Do vậy nguyên đơn- Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B phải thanh toán lại số tiền mua thép xây dựng chưa thanh toán 150 triệu đồng, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất chậm trả của số tiền vay:

Do bị đơn là Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng đã ký kết, do vậy Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại; Theo quy định tại điều luật này thì “ *tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*” . Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP thì lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam), tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 15,2%/năm, nhưng do Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm = 0,83 %/tháng, không vượt quá mức lãi suất quy định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

(1) Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/05/2016 Công ty B cam kết : “*chậm nhất đến ngày 20/5/2016 Công ty B sẽ thanh toán cho Công ty A số tiền chưa thanh toán là 200 triệu đồng*”, tuy nhiên sau đó Công ty B đã không thực hiện cam kết này, do vậy tiền lãi chậm thanh toán được tính cụ thể như sau: Tiền lãi chậm thanh toán sẽ tính từ ngày 21/5/2016 (sau ngày cam kết trả nợ 20/5/2016) đến 12/8/2016(ngày Công ty B trả nợ 50 triệu đồng theo sổ chi tiết công nợ) = 02 tháng 21 ngày, Công ty A yêu cầu tính tròn 02 tháng là : $200.000.000đ \times 02 \text{ tháng} \times 0,83 \text{ \%/tháng} = 3.320.000đ$

(2) Tiền lãi chậm thanh toán kỳ 2 theo ***Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/3/2017*** sẽ tính từ ngày 13/8/2016 (kể tiếp ngày trả nợ Bị đơn trả nợ lần cuối 12/8/2016) đến ngày giải quyết xét xử vụ án ngày 09/12/2019 là 39 tháng 25 ngày nhưng Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tròn 39 tháng là: $150.000.000đ \times 39 \text{ tháng} \times 0,83 \text{ \%/tháng} = 48.555.000đ$;

Tổng cộng nợ gốc và lãi Bị đơn công ty B phải trả cho Nguyên đơn công ty A tính đến ngày giải quyết xét xử vụ án ngày 09/12/2019 là : 150 triệu đồng (gốc) + tiền lãi chậm trả (1) + tiền lãi chậm trả (2) = 150 triệu đồng + 3.320.000đ + 48.555.000đ = **201.875.000đ**;

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Công ty B phải chịu án phí đối với

phần nội dung khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định tại khoản 01 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể số tiền án phí bị đơn phải nộp là: $5\% \times 201.875.000\text{đ} = 10.093.000\text{đ}$.

Do không phải chịu án phí sơ thẩm nên số tiền tạm ứng án phí Nguyên đơn đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí số 0027741 ngày 04/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được hoàn trả cho nguyên đơn - Công ty A.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào quy định tại: khoản 01 điều 30, điểm b khoản 01 điều 39; khoản 01 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty B do ông E – Giám đốc đại diện theo pháp luật, phải trả cho Công ty TNHH TM-SX A số tiền mua thép xây dựng chưa thanh toán theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết số 01/2015/HDKT/QT - B ngày 02/3/2015 gồm: tiền nợ chưa thanh toán là 150 triệu đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 51.875.000đ. ***Tổng cộng số tiền Công ty B phải trả cho Công ty TNHH TM-SX A tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 201.875.000đ.***

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án thì người thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 01 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu các bên không thỏa thuận được lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/Về án phí:

Công ty B do ông E – Giám đốc đại diện theo pháp luật phải chịu số tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 10.093.000đ. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH TM-SX A số tiền tạm ứng án phí 5.031.000đ, đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí số 0027741 ngày 04/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

4/ Quyền kháng cáo bản án của Nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo bản án của Bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân